

Số: 294/2024/QĐST-HNGĐ

Yên Sơn, ngày 30 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 235/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nịnh Thị T**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Ngọc H**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024;

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nịnh Thị T và anh Trần Ngọc H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 06/01/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị Nịnh Thị T và anh Trần Ngọc H đều xác nhận có 02 con chung là cháu Trần Ngọc H1, sinh ngày 12/9/2023 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 12/9/2023.

Giao con chung là cháu Trần Ngọc H1, sinh ngày 12/9/2023 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 12/9/2023 cho chị Nịnh Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Ngọc H phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trần Ngọc H1 cho đến khi

cháu H1 đủ 18 tuổi số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2024. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

- *Về đất đai, tài sản chung:* Chị Ninh Thị T và anh Trần Ngọc H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung:* Chị Ninh Thị T và anh Trần Ngọc H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Ninh Thị T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002147 ngày 20/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, trả lại cho chị Ninh Thị T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Trần Ngọc H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** *Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Thái Bình, huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Quan Thị Thu Trang**